

Số: 1933/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2015-2016
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2013

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Thông báo số 1806/TB-LTT-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc tính điểm học phần bậc đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấm thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ I năm học 2015-2016 của sinh viên cao đẳng – Khóa 2013 gồm: 89 sinh viên (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các sinh viên bị cấm thi kết thúc học phần nào thì phải nhận điểm “0” của học phần đó để tính điểm học phần và phải đăng ký học lại để trả nợ học phần.

Điều 3. Các Phòng, Khoa và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*qk*

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

Kí. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Dinh Văn Dê

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KỲ THI CHÍNH)
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2013

(Kèm theo Quyết định số: 1933 /QĐ-LTT-ĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
1	Phạm Văn Dị	13CD-CK1	Công nghệ CAD/CAM	45 / 45	100.00%	
			Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Đồ gá	28 / 30	93.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	30 / 30	100.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	26 / 30	86.67%	
2	Nguyễn Hữu Duy	13CD-CK1	Công nghệ CAD/CAM	30 / 45	66.67%	
			Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	12 / 30	40.00%	
3	Nguyễn Ngọc Hào	13CD-CK1	Công nghệ CAD/CAM	21 / 45	46.67%	
			Công nghệ CNC	18 / 45	40.00%	
			Đồ gá	12 / 30	40.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	16 / 30	53.33%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	12 / 30	40.00%	
4	Trương Văn Hùng	13CD-CK1	Công nghệ CNC	21 / 45	46.67%	
5	Nguyễn Đăng Định	13CD-CK2	Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	30 / 30	100.00%	
			Nguyên lý cắt kim loại	22 / 30	73.33%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	30 / 30	100.00%	
6	Đỗ Thanh Hùng	13CD-CK2	Công nghệ CAD/CAM	45 / 45	100.00%	
			Công nghệ CNC	45 / 45	100.00%	
			Nguyên lý cắt kim loại	26 / 30	86.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	30 / 30	100.00%	
7	Trần Thế Hùng	13CD-CK2	Kinh tế CN và quản trị chất lượng	30 / 30	100.00%	
8	Phan Quang Linh	13CD-CK2	Công nghệ CAD/CAM	27 / 45	60.00%	
			Công nghệ CNC	21 / 45	46.67%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	14 / 30	46.67%	
			Nguyên lý cắt kim loại	18 / 30	60.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	16 / 30	53.33%	
9	Nguyễn Tấn Lộc	13CD-CK2	Công nghệ CAD/CAM	21 / 45	46.67%	
			Công nghệ CNC	24 / 45	53.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	10 / 30	33.33%	
			Nguyên lý cắt kim loại	18 / 30	60.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	14 / 30	46.67%	
10	Võ Văn Minh	13CD-CK2	Công nghệ CAD/CAM	36 / 45	80.00%	
			Công nghệ CNC	42 / 45	93.33%	
			Nguyên lý cắt kim loại	20 / 30	66.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	10 / 30	33.33%	
11	Đỗ Xuân Gia	13CD-CK3	Công nghệ CNC	16 / 45	35.56%	
12	Lê Trần Trung Hiếu	13CD-CK3	Công nghệ CAD/CAM	21 / 45	46.67%	
			Công nghệ CNC	15 / 45	33.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	14 / 30	46.67%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
13	Nguyễn Văn Hoàng	13CD-CK3	Công nghệ CAD/CAM	30 / 45	66.67%	
			Công nghệ CNC	30 / 45	66.67%	
			Đồ gá	22 / 30	73.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	24 / 30	80.00%	
			Nguyên lý cắt kim loại	20 / 30	66.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	20 / 30	66.67%	
14	Lê Thế Hùng	13CD-CK3	Công nghệ CAD/CAM	21 / 45	46.67%	
			Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	14 / 30	46.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	10 / 30	33.33%	
15	Phan Hữu Nguyên	13CD-CK3	Đồ gá	11 / 30	36.67%	
16	Trần Quân	13CD-CK3	Đồ gá	11 / 30	36.67%	
17	Phạm Minh Tâm	13CD-CK3	Đồ gá	12 / 30	40.00%	
18	Nguyễn Trí Thông	13CD-CK3	Công nghệ CNC	15 / 45	33.33%	
			Đồ gá	18 / 30	60.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	16 / 30	53.33%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	12 / 30	40.00%	
19	Đào Minh Thuận	13CD-CK3	Công nghệ CAD/CAM	27 / 45	60.00%	
			Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Đồ gá	14 / 30	46.67%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	16 / 30	53.33%	
			Nguyên lý cắt kim loại	16 / 30	53.33%	
20	Nguyễn Tự Trường Thuật	13CD-CK3	Công nghệ CAD/CAM	33 / 45	73.33%	
			Công nghệ CNC	36 / 45	80.00%	
			Đồ gá	20 / 30	66.67%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	26 / 30	86.67%	
			Nguyên lý cắt kim loại	20 / 30	66.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	22 / 30	73.33%	
21	Bùi Xuân Tiến	13CD-CK3	Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
22	Nguyễn Trí	13CD-CK3	Công nghệ CNC	21 / 45	46.67%	
23	Nguyễn Đình Truyền	13CD-CK3	Đồ gá	10 / 30	33.33%	
24	Nguyễn Thanh Tú	13CD-CK3	Công nghệ CNC	18 / 45	40.00%	
25	Nguyễn Phước Việt	13CD-CK3	Công nghệ CNC	18 / 45	40.00%	
26	Nguyễn Minh Hiếu	13CD-CK4	Đồ gá	11 / 30	36.67%	
27	Nguyễn Đình Lữ	13CD-CK4	Kinh tế CN và quản trị chất lượng	10 / 30	33.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	12 / 30	40.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	16 / 30	53.33%	
28	Trương Hoài Nghĩa	13CD-CK4	Công nghệ CAD/CAM	27 / 45	60.00%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	30 / 30	100.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	16 / 30	53.33%	
29	Đặng Xuân Phong	13CD-CK4	Kinh tế CN và quản trị chất lượng	10 / 30	33.33%	
30	Nguyễn Văn Tây	13CD-CK4	Kinh tế CN và quản trị chất lượng	12 / 30	40.00%	
31	Lương Quốc Thái	13CD-CK4	Công nghệ CAD/CAM	30 / 45	66.67%	
			Công nghệ CNC	33 / 45	73.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	26 / 30	86.67%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	22 / 30	73.33%	
32	Mai Văn Thiệu	13CD-CK4	Kinh tế CN và quản trị chất lượng	10 / 30	33.33%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	12 / 30	40.00%	
33	Trần Lê Bảo Toàn	13CD-CK4	Công nghệ CAD/CAM	24 / 45	53.33%	
			Công nghệ CNC	27 / 45	60.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	10 / 30	33.33%	
34	Tạ Phương Tuấn	13CD-CK4	Công nghệ CAD/CAM	33 / 45	73.33%	
			Công nghệ CNC	42 / 45	93.33%	
			Kinh tế CN và quản trị chất lượng	30 / 30	100.00%	
			Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	26 / 30	86.67%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
35	Nguyễn Quang	Huân	13CD-D1	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
				Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	30 / 30	100.00%	
36	Huỳnh Thanh	Phú	13CD-D1	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
				Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	30 / 30	100.00%	
37	Trịnh Ngọc	Sơn	13CD-D1	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
				Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	30 / 30	100.00%	
38	Nguyễn Văn	Tư	13CD-D1	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
				Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	30 / 30	100.00%	
39	Lê Văn	Vũ	13CD-D1	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
				Đường lối CM của Đảng CSVN	40 / 45	88.89%	
				Truyền động điện và ứng dụng	20 / 30	66.67%	
40	Đào Tuấn	Huy	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Nhà máy điện và trạm biến áp	30 / 30	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	26 / 30	86.67%	
41	Nguyễn Tấn	Phát	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Nhà máy điện và trạm biến áp	30 / 30	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	26 / 30	86.67%	
42	Diệp Hoàng	Phong	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	24 / 45	53.33%	
43	Trần Lê Đức	Phú	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Nhà máy điện và trạm biến áp	30 / 30	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	26 / 30	86.67%	
44	Trần Minh	Quang	13CD-D2	Truyền động điện và ứng dụng	18 / 30	60.00%	
45	Vũ Văn	Tâm	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Nhà máy điện và trạm biến áp	30 / 30	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	26 / 30	86.67%	
46	Phạm Lê Tuấn	Tú	13CD-D2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Nhà máy điện và trạm biến áp	30 / 30	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	26 / 30	86.67%	
47	Đoàn Thái	Bình	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	20 / 30	66.67%	
48	Đoàn Văn	Bình	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	20 / 30	66.67%	
49	Nguyễn Văn	Duy	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	22 / 30	73.33%	
50	Phạm Trường	Giang	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	20 / 30	66.67%	
51	Phạm Huy	Hoàng	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	22 / 30	73.33%	
52	Đoàn Viết Cao	Sơn	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	22 / 30	73.33%	
53	Hoàng Minh	Thuận	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	20 / 30	66.67%	
54	Huỳnh Minh	Trung	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	22 / 30	73.33%	
55	Võ Xuân	Tùng	13CD-D3	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
				Truyền động điện và ứng dụng	22 / 30	73.33%	

HÀNH
HƯỚNG
CÓ DẤU
TỰ TR
HỒ CH

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
56	Nguyễn Quốc Cường	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
57	Hồ Thanh Hải	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	33 / 45	73.33%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	28 / 30	93.33%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	28 / 30	93.33%	
58	Trần Văn Hạnh	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
59	Nguyễn Thái Huy	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	36 / 45	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
60	Phạm Hữu Phước	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
61	Trịnh Ngọc Phước	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	42 / 45	93.33%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	24 / 45	53.33%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
62	Trương Thái Quốc	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
63	Bạch Ngọc Thành	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
64	Phan Huỳnh Hoài Thương	13CD-ĐT1	Hệ thống điều khiển tự động	28 / 30	93.33%	
65	Nguyễn Minh Trí	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
66	Trần Quang Trung	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
67	Lâm Hoài Vĩ	13CD-ĐT1	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Hệ thống điều khiển tự động	30 / 30	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
68	Lâm Xuân Vũ	13CD-ĐT1	Hệ thống điều khiển tự động	14 / 30	46.67%	
69	Lê Sĩ Dũng	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	30 / 45	66.67%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
70	Nguyễn Văn Dũng	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
71	Trần Quang <i>Hiếu</i>	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	15 / 45	33.33%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	12 / 30	40.00%	
72	Trịnh Hoàng <i>Phúc</i>	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
73	Nguyễn Chí <i>Tài</i>	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	28 / 30	93.33%	
74	Nguyễn Thanh <i>Tài</i>	13CD-ĐT2	Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	18 / 30	60.00%	
75	Nguyễn Xuân <i>Tuấn</i>	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
76	Đặng Thế <i>Vĩ</i>	13CD-ĐT2	Điện tử công nghiệp	24 / 45	53.33%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	20 / 30	66.67%	
77	Huỳnh Ngọc <i>Vĩ</i>	13CD-ĐT2	Đường lối CM của Đảng CSVN	45 / 45	100.00%	
			Điện tử công nghiệp	45 / 45	100.00%	
			Điều khiển lập trình PLC 1	24 / 30	80.00%	
			Tự động hóa quá trình công nghệ	30 / 30	100.00%	
78	Nguyễn Hoài <i>Đức</i>	13CD-TM1	Mạng Linux 1	24 / 45	53.33%	
79	Huỳnh Bảo <i>Hiếu</i>	13CD-TM1	Lý thuyết đồ thị	14 / 30	46.67%	
80	Nguyễn Hiếu <i>Nghĩa</i>	13CD-TM1	Mạng Linux 1	21 / 45	46.67%	
81	Mai Lê Thanh <i>Vân</i>	13CD-TM1	Kỹ năng giao tiếp	12 / 30	40.00%	
			Lý thuyết đồ thị	12 / 30	40.00%	
			Mạng Linux 1	21 / 45	46.67%	
			Mạng nâng cao	28 / 60	46.67%	
			Thiết kế Web	50 / 75	66.67%	
82	Trần Đình <i>Nam</i>	13CD-TM2	Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Lý thuyết đồ thị	30 / 30	100.00%	
			Mạng Linux 1	45 / 45	100.00%	
			Mạng nâng cao	60 / 60	100.00%	
			Thiết kế Web	60 / 75	80.00%	
83	Phan Thanh <i>Nghĩa</i>	13CD-TM2	Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Lý thuyết đồ thị	30 / 30	100.00%	
			Mạng Linux 1	45 / 45	100.00%	
			Mạng nâng cao	60 / 60	100.00%	
			Thiết kế Web	60 / 75	80.00%	
84	Bý <i>Uên</i>	13CD-TM2	Kỹ năng giao tiếp	30 / 30	100.00%	
			Lý thuyết đồ thị	30 / 30	100.00%	
			Mạng Linux 1	45 / 45	100.00%	
			Mạng nâng cao	60 / 60	100.00%	
			Thiết kế Web	60 / 75	80.00%	



TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Số tiết vắng	%	Ghi chú
85	Đào Mạnh <i>Duy</i>	13CD-TP1	Lập trình cơ sở dữ liệu	72 / 90	80.00%	
			Lập trình PHP	36 / 105	34.29%	
86	Viên Phan Anh <i>Khuong</i>	13CD-TP1	Kỹ năng giao tiếp	14 / 30	46.67%	
			Lập trình cơ sở dữ liệu	78 / 90	86.67%	
			Lập trình PHP	47 / 105	44.76%	
			Lý thuyết đồ thị	12 / 30	40.00%	
87	Nguyễn Vũ <i>Quý</i>	13CD-TP1	Lập trình cơ sở dữ liệu	66 / 90	73.33%	
			Lập trình PHP	55 / 105	52.38%	
88	Nguyễn Văn <i>Triệu</i>	13CD-TP1	Lập trình cơ sở dữ liệu	60 / 90	66.67%	
			Lập trình PHP	37 / 105	35.24%	
89	Nguyễn kim <i>Thương</i>	13CD-TP2	Lập trình cơ sở dữ liệu	90 / 90	100.00%	
			Lập trình PHP	105 / 105	100.00%	
			Lý thuyết đồ thị	20 / 30	66.67%	

Tổng cộng danh sách có 89 sinh viên. *20*

